

Số: *5365*/BNV-TCBC

V/v báo cáo cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập

Hà Nội, ngày *15* tháng *11* năm *2016*

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ được Thường trực Ban Bí thư, Ban Cán sự đảng Chính phủ giao nhiệm vụ xây dựng Đề án đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập để Ban Cán sự đảng Chính phủ trình Ban Chấp hành Trung ương tháng 10/2017. Để có cơ sở pháp lý và thực tiễn cho việc xây dựng Đề án nêu trên, Bộ Nội vụ đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Bộ, ngành, địa phương) báo cáo về các nội dung sau:

1. Thực trạng hệ thống tổ chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Tổng hợp số liệu về các đơn vị sự nghiệp công lập, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2011-2016 theo biểu mẫu đính kèm (đối với các Bộ, ngành báo cáo theo biểu số 1; đối với địa phương báo cáo theo biểu số 2).

b) Tình hình thực hiện:

- Đánh giá việc sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, ngành trong giai đoạn 2011-2016 (so sánh tăng, giảm); kết quả, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế.

- Đánh giá việc quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2011-2016 (so sánh tăng, giảm); kết quả, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế.

c) Đề xuất, kiến nghị để nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Kiến nghị về sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành trong thời gian tới.

- Kiến nghị về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập trong thời gian tới.

2. Về cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Đánh giá thực trạng cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2011-2016, kết quả, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế.

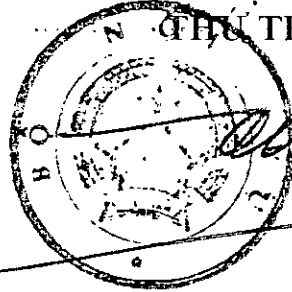
b) Đề xuất kiến nghị các biện pháp, giải pháp khắc phục về cơ chế quản lý, cơ chế tài chính trong thời gian tới.

Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương gửi báo cáo về Bộ Nội vụ trước ngày 15/01/2017 (kèm theo file mềm gửi về địa chỉ: dotridung@moha.gov.vn), đề Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./tu

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để p/hợp);
- Bộ Tài chính (để p/hợp);
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (để t/hiện);
- Đại học Quốc gia Hà Nội (để t/hiện);
- Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (để t/hiện);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT, TCBC (05b).

KT. BỘ TRƯỞNG
CHỦ TRƯỞNG



Nguyễn Duy Thăng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 1783/SY-UBND

Bình Định, ngày 24 tháng 11 năm 2016

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- CVP, K12;
- Lưu: VT (08b)

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Thái Bình

Bộ, ngành:

Biểu số 1
TỔ CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
(Gửi kèm theo công văn 5365/BNV-TCBC ngày 15/11/2016)

TT	Tên đơn vị sự nghiệp công lập	Thẩm quyền thành lập	Mức độ tự chủ	31/12/2011			31/12/2016			So sánh tăng, giảm (cột 9/ 5)			
				Tổng số người làm việc	Chia ra		Tổng số người làm việc	Chia ra					
					Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao	Số lượng người làm việc đơn vị tự quyết định		HĐLĐ theo ND 68/2000/ND-CP	Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao		Số lượng người làm việc đơn vị tự quyết định	HĐLĐ theo ND 68/2000/ND-CP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	Tổng cộng												
I	Đơn vị thuộc Bộ												
1	Đơn vị sự nghiệp công lập A												
2	Đơn vị sự nghiệp công lập B												
II	Đơn vị thuộc Tổng cục												
1	Đơn vị sự nghiệp công lập C												
2	Đơn vị sự nghiệp công lập D												
II	Đơn vị thuộc Cục												
1	Đơn vị sự nghiệp công lập E												
2	Đơn vị sự nghiệp công lập G												

Ghi chú:

- Cột 4: Gồm các mức độ tự chủ sau:
 - + Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư
 - + Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên
 - + Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
 - + Đơn vị do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên
- Cột 5 = Cột 6 + Cột 7 + Cột 8; Cột 9 = Cột 10 + Cột 11 + Cột 12

Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ
(Ký tên)

Người đứng đầu Bộ, ngành
(Ký tên, đóng dấu)

Tỉnh, thành phố

Biểu số 2

TỔ CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Gửi kèm theo công văn 5365/BNV-TCBC ngày 15/11/2016)

STT	Phân loại	31/12/2011					31/12/2016					So sánh tăng, giảm (cột 8/3)	So sánh tăng, giảm (cột 9/4)
		Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Tổng số người làm việc	Chia ra			Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Tổng số người làm việc	Chia ra				
				Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao	Số lượng người làm việc đơn vị tự quyết định	HĐLĐ theo ND 68/2000/ND-CP			Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao	Số lượng người làm việc đơn vị tự quyết định	HĐLĐ theo ND 68/2000/ND-CP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
	Tổng số												
I	Phân theo thẩm quyền thành lập												
1	Đơn vị do Thủ tướng Chính phủ thành lập												
2	Đơn vị do UBND cấp tỉnh thành lập												
3	Đơn vị do UBND cấp huyện thành lập												
4	Đơn vị do cấp khác thành lập (nếu có)												
II	Phân theo cấp quản lý												
1	Đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh												
2	Đơn vị thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh												
3	Đơn vị thuộc BQL các KCN, KCX, KKT												
4	Đơn vị thuộc UBND cấp huyện												
5	Đơn vị thuộc cấp quản lý khác												

Handwritten mark

III	<i>Phân theo mức độ tự chủ</i>																		
1	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																		
2	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																		
3	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên																		
4	Đơn vị do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên																		
IV	<i>Phân theo lĩnh vực</i>																		
1	Đơn vị thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo																		
	- Đại học																		
	- Cao đẳng chuyên nghiệp, cao đẳng nghề																		
	- Trung học chuyên nghiệp, trung cấp nghề																		
	- Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh																		
	- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên																		
	- Trung học phổ thông																		
	- Trung học cơ sở																		
	- Tiểu học																		
	- Mầm non																		
2	Đơn vị thuộc lĩnh vực y tế																		
	- Tuyển tỉnh																		
	- Tuyển huyện																		
	- Y tế xã, phường, thị trấn																		
3	Đơn vị thuộc lĩnh vực thuộc khoa học và công nghệ																		
4	Đơn vị thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch																		
5	Đơn vị thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông																		
6	Đơn vị thuộc lĩnh vực lưu trữ																		

24

7	Đơn vị thuộc lĩnh vực tư pháp												
8	Đơn vị thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản												
9	Đơn vị thuộc lĩnh vực xây dựng và kiến trúc												
10	Đơn vị thuộc lĩnh vực tài nguyên, môi trường, khí tượng, thủy văn, đo đạc, bản đồ, biển và hải đảo												
11	Đơn vị thuộc lĩnh vực dạy nghề, lao động và xã hội												
12	Đơn vị thuộc lĩnh vực sự nghiệp khác												

76

Ghi chú:

- Cột 4 = Cột 5+Cột 6+Cột 7
- Cột 9 = Cột 10+Cột 11+Cột 12

Sở Nội vụ
(Ký tên)

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh...
(Ký tên, đóng dấu)